TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN E** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 07 - 2021
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Khánh.

2. Bà Nguyễn Thị Kiều Hoanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 191/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Y, sinh năm: 1986. (Vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã Q, huyện E, tỉnh Quảng Ngãi.

Hiện trú tại: Xóm T, xã R, Thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hồ T1, sinh năm: 1983. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện E, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DỤNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 20/3/2021, bản trình bày ngày 07/4/2021 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Y, trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hồ T1 quen biết tìm hiểu, yêu thương được một thời gian thì tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, thành phố V, tỉnh Nghệ An vào ngày 22/9/2006.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà về sống chung với gia đình chồng tại thôn P, xã Q, huyện E, tỉnh Quảng Ngãi, được 06 (Sáu) năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà Y dẫn con thứ 2 về sống với cha mẹ đẻ tại tỉnh Nghệ An. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Hồ T1 .

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Thảo V1, sinh ngày: 25/8/2007 và Nguyễn Nhật V2, sinh ngày: 15/3/2010. Hiện nay cháu Thảo V1 đang sống với ông T1, còn cháu Nhật V2 sống với bà Y tại tỉnh Nghệ An; khi ly hôn, bà Y yêu cầu được tiếp tục nhận nuôi dưỡng cháu Nhật V2, giao cho ông T1 tiếp tục nhận nuôi dưỡng cháu Thảo V1, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Nguyễn Hồ T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, nhưng ông T1 không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa làm việc.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ các Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 262 BLTTDS; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị HĐXX tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Y. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Y với ông Nguyễn Hồ T1.

Giao cháu Nguyễn Nhật V2, sinh ngày: 15/3/2010 cho bà Trần Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Thị Thảo V1, sinh ngày: 25/8/2007 cho ông Nguyễn Hồ T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bà Trần Thị Y phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Hồ T1 hiện nay cư trú tại thôn P, xã Q, huyện E, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Ông Nguyễn Hồ T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T1 vắng mặt không có lý do lần thứ 2, bà Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 và bà Y là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Y và ông Nguyễn Hồ T1 tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã R, thành phố V, tỉnh Nghệ An theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, được UBND xã cấp giấy chứng nhận kết hôn là Hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, giữa bà Y và ông T1 có xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng bà Y, ông T1 sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Bà Y dẫn cháu Nhật V2 về quê của bà tại tỉnh Nghệ An sinh sống cùng Cha mẹ của bà từ đó hai vợ chồng không còn liên hệ với nhau nữa; trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần giao thông báo của Tòa án cho ông T1 nhưng ông T1 không gửi văn bản trình bày ý kiến và không đến tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ ông T1 không quan tâm đến sự hàn gắn trong quan hệ vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy tình cảm giữa bà Y và ông T1 không còn nữa nên cần cho bà Trần Thị Y ly hôn với ông Nguyễn Hồ T1 là phù hợp với quy định Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Y và ông T1 có 02 con chung, tên là Nguyễn Thị Thảo V1, sinh ngày: 25/8/2007 và Nguyễn Nhật V2, sinh ngày: 15/3/2010.

Hội đồng xét xử xét thấy, các cháu Thảo V1 và Nhật V2 hiện nay đều trên 07 tuổi, cháu Thảo V1 đang sống với ông T1 và có nguyện vọng tiếp tục sống với ông T1, còn cháu Nhật V2 đang sống với bà Y và có nguyện vọng sống với bà Y. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích về mặt tình cảm, tinh thần của các cháu Thảo V1 và Nhật V2, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Y, giao bà Y tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nhật V2, ông T1 được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thảo V1 là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Bà Trần Thị Y, ông Nguyễn Hồ T1 được quyền đến thăm chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y khai không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Y.

- Bà Trần Thị Y được ly hôn với ông Nguyễn Hồ T1.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật V2, sinh ngày: 15/3/2010 cho bà Trần Thị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Thị Thảo V1, sinh ngày: 25/8/2007 cho ông Nguyễn Hồ T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Hồ T1, bà Trần Thị Y có quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở; ông T1, bà Y không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Y đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0004739 ngày 06/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hải Nam

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- UBND xã R, TP V, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.